

Số: 08 /BC-UBND

*Đình Cả, ngày 07 tháng 01 năm 2022*

**BÁO CÁO**  
**Thực hiện quản lý, sử dụng và báo cáo tài sản công năm 2021**

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số: 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Thực hiện Công văn số: 3412/UBND -TCKH ngày 23/12/2021 của UBND huyện Võ Nhai về việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

UBND thị trấn Đình Cả báo cáo kê khai tài sản và báo cáo quản lý sử dụng tài sản công năm 2021 cụ thể như sau:

**1. Thực hiện công khai tài sản công.**

UBND thị trấn thực hiện công khai in trên phần mềm quản lý tài sản nhà nước. Thực hiện báo cáo kê khai tài sản công. Thực hiện báo cáo tài sản mua theo biểu mẫu trên phần mềm quản lý tài sản.

Thực hiện báo cáo tài sản mua theo Mẫu số 04c-ĐK/TSC.

**2. Thực hiện kiểm kê, tình hình quản lý và sử dụng tài sản công theo quy định.**

Thực hiện báo cáo tài sản nhà nước của đơn vị trực tiếp sử dụng theo Biểu mẫu 01A- ĐK/TSNN in trên phần mềm tài sản kèm theo.

**3. Trong năm không có thanh lý tài sản, mua bán chuyển nhượng tài sản.**

*(Chi tiết có biểu kèm theo)*

**4. Một số kiến nghị đề nghị, các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu công tác quản lý, sử dụng tài sản công:**

Đề nghị phần mềm quản lý tài sản nhà nước kết nối được với các phần mềm kế toán Misa bamno.net khi nhập dữ liệu tài sản sẽ thể hiện giá trị tài sản trên báo cáo tài chính theo luật ngân sách.

Trên đây là báo cáo về việc kê khai tài sản và báo cáo quản lý sử dụng tài sản công năm 2021 của UBND thị trấn Đình Cả./.

***Nơi nhận:***

- UBND huyện Võ Nhai
- Phòng TCKH huyện;
- Thường trực Đảng ủy - HĐND thị trấn;
- Chủ tịch-Phó chủ tịch thị trấn;
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Thanh Phương**

**Bộ, ngành, tỉnh:** Tỉnh Thái Nguyên  
**Tên đơn vị:** UBND thị trấn Đình Cả  
**Mã đơn vị:** T55038014

**Biểu số:** 01A-ĐK/TSNN

## BÁO CÁO TÀI SẢN NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG

**Thời điểm báo cáo: 07/01/2022**

**Chi tiết tài sản đến bậc: 6**

*ĐVT cho: Diện tích đất là: m<sup>2</sup>; Diện tích nhà là: m<sup>2</sup>; Số lượng là: Cái/ Chiếc; Giá trị là: Đồng*

| Tài sản                           | Năm đưa vào sử dụng | Cấp nhà hoặc số chỗ ngồi, tải trọng hoặc thông số kỹ thuật | Số tầng | Số lượng tài sản | Diện tích | Tỷ lệ chất lượng còn lại (%) | Nguyên giá    |               |               | Giá trị còn lại |
|-----------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------|---------|------------------|-----------|------------------------------|---------------|---------------|---------------|-----------------|
|                                   |                     |                                                            |         |                  |           |                              | Tổng cộng     | Trong đó      |               |                 |
|                                   |                     |                                                            |         |                  |           |                              |               | Ngân sách     | Nguồn khác    |                 |
| Đất                               |                     |                                                            |         | 1                | 1.971,40  |                              | 9.857.000.000 | 9.857.000.000 |               | 9.857.000.000   |
| Đất trụ sở                        |                     |                                                            |         | 1                | 1.971,40  |                              | 9.857.000.000 | 9.857.000.000 |               | 9.857.000.000   |
| Đất trụ sở làm việc UBND thị trấn | 2013                |                                                            |         | 1                | 1.971,40  | 100                          | 9.857.000.000 | 9.857.000.000 |               | 9.857.000.000   |
| Nhà, công trình xây dựng          |                     |                                                            |         | 6                | 1.898,70  |                              | 8.232.601.181 | 6.968.701.181 | 1.263.900.000 | 6.017.548.631   |
| Nhà cấp II                        |                     |                                                            |         | 1                | 200,00    |                              | 2.342.900.000 | 1.873.400.000 | 469.500.000   | 1.837.036.000   |
| Nhà làm việc UBND thị trấn        | 2008                | Nhà cấp II                                                 | 2       | 1                | 200,00    | 78                           | 2.342.900.000 | 1.873.400.000 | 469.500.000   | 1.837.036.000   |
| Nhà cấp III                       |                     |                                                            |         | 1                | 494,00    |                              | 3.358.300.000 | 3.358.300.000 |               | 3.223.968.000   |
| Nhà văn hóa thị trấn Đình Cả      | 2021                | Nhà cấp III                                                | 1       | 1                | 494,00    | 96                           | 3.358.300.000 | 3.358.300.000 |               | 3.223.968.000   |
| Nhà cấp IV                        |                     |                                                            |         | 4                | 1.204,70  |                              | 2.531.401.181 | 1.737.001.181 | 794.400.000   | 956.544.631     |
| Nhà văn hóa Tiền Phong            | 2015                | Nhà cấp IV                                                 | 1       | 1                | 180,00    | 53                           | 794.400.000   |               | 794.400.000   | 423.494.640     |

|                                                                                          |      |            |   |           |        |    |                    |                    |  |                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------|---|-----------|--------|----|--------------------|--------------------|--|-------------------|
| Trụ sở làm việc UBND thị trấn Đình Cả huyện Võ Nhai: Hạng mục Nhà làm việc khối đoàn thể | 2009 | Nhà cấp IV | 1 | 1         | 210,00 | 20 | 827.211.000        | 827.211.000        |  | 162.912.554       |
| Trụ sở nơi làm việc của công an thị trấn Đình Cả                                         | 2020 | Nhà cấp IV | 1 | 1         | 714,70 | 87 | 30.097.400         | 30.097.400         |  | 26.082.407        |
| Nhà sàn nhà văn hóa                                                                      | 2005 | Nhà cấp IV | 1 | 1         | 100,00 | 39 | 879.692.781        | 879.692.781        |  | 344.055.030       |
| <b>Máy móc, thiết bị</b>                                                                 |      |            |   | <b>16</b> |        |    | <b>297.688.600</b> | <b>297.688.600</b> |  | <b>94.578.625</b> |
| Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến                                                     |      |            |   | 12        |        |    | 235.880.000        | 235.880.000        |  | 82.032.250        |
| Máy vi tính để bàn                                                                       |      |            |   | 3         |        |    | 58.980.000         | 58.980.000         |  | 5.996.000         |
| Máy tính cây                                                                             | 2018 |            |   | 1         |        | 20 | 14.990.000         | 14.990.000         |  | 2.998.000         |
| Máy tính cây                                                                             | 2018 |            |   | 1         |        | 20 | 14.990.000         | 14.990.000         |  | 2.998.000         |
| Máy tính cây                                                                             | 2014 |            |   | 1         |        |    | 29.000.000         | 29.000.000         |  |                   |
| Máy vi tính xách tay(hoặc thiết bị điện tử tương đương)                                  |      |            |   | 3         |        |    | 36.850.000         | 36.850.000         |  | 9.480.000         |
| Máy tính sách tay                                                                        | 2016 |            |   | 1         |        |    | 12.500.000         | 12.500.000         |  |                   |
| Máy tính xách tay Dell                                                                   | 2021 |            |   | 1         |        | 80 | 11.850.000         | 11.850.000         |  | 9.480.000         |
| Máy tính xách tay                                                                        | 2016 |            |   | 1         |        |    | 12.500.000         | 12.500.000         |  |                   |
| Máy Photocopy                                                                            |      |            |   | 2         |        |    | 94.500.000         | 94.500.000         |  | 34.687.500        |
| Máy photocopy                                                                            | 2013 |            |   | 1         |        |    | 39.000.000         | 39.000.000         |  |                   |
| Máy photocopy                                                                            | 2018 |            |   | 1         |        | 63 | 55.500.000         | 55.500.000         |  | 34.687.500        |
| Máy điều hòa không khí                                                                   |      |            |   | 3         |        |    | 31.950.000         | 31.950.000         |  | 19.968.750        |
| Máy điều hòa (treo tường 2 chiều) Nhà sàn                                                | 2018 |            |   | 1         |        | 63 | 10.650.000         | 10.650.000         |  | 6.656.250         |
| Máy điều hòa (treo tường 2 chiều)                                                        | 2018 |            |   | 1         |        | 63 | 10.650.000         | 10.650.000         |  | 6.656.250         |
| Máy điều hòa (treo tường 2 chiều) Nhà sàn                                                | 2018 |            |   | 1         |        | 63 | 10.650.000         | 10.650.000         |  | 6.656.250         |
| Bộ bàn ghế tiếp khách                                                                    |      |            |   | 1         |        |    | 13.600.000         | 13.600.000         |  | 11.900.000        |

|                                                                             |      |  |  |           |                 |    |                       |                       |                      |                       |
|-----------------------------------------------------------------------------|------|--|--|-----------|-----------------|----|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Bàn ghế tiếp dân                                                            | 2021 |  |  | 1         |                 | 88 | 13.600.000            | 13.600.000            |                      | 11.900.000            |
| Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị      |      |  |  | 3         |                 |    | 46.808.600            | 46.808.600            |                      | 12.546.375            |
| Máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị |      |  |  | 3         |                 |    | 46.808.600            | 46.808.600            |                      | 12.546.375            |
| Máy chiếu                                                                   |      |  |  | 1         |                 |    | 19.200.000            | 19.200.000            |                      |                       |
| Máy chiếu                                                                   | 2016 |  |  | 1         |                 |    | 19.200.000            | 19.200.000            |                      |                       |
| Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác           |      |  |  | 1         |                 |    | 11.080.000            | 11.080.000            |                      | 2.216.000             |
| Ti vi                                                                       | 2018 |  |  | 1         |                 | 20 | 11.080.000            | 11.080.000            |                      | 2.216.000             |
| Camera giám sát                                                             |      |  |  | 1         |                 |    | 16.528.600            | 16.528.600            |                      | 10.330.375            |
| Camera                                                                      | 2018 |  |  | 1         |                 | 63 | 16.528.600            | 16.528.600            |                      | 10.330.375            |
| Máy móc, thiết bị khác                                                      |      |  |  | 1         |                 |    | 15.000.000            | 15.000.000            |                      |                       |
| Máy phát điện                                                               | 2010 |  |  | 1         |                 |    | 15.000.000            | 15.000.000            |                      |                       |
| <b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>                                        |      |  |  | <b>1</b>  |                 |    | <b>50.000.000</b>     | <b>50.000.000</b>     |                      | <b>37.500.000</b>     |
| Tủ điều khiển đèn tín hiệu giao thông tại ngã tư thị trấn Đình Cả           | 2020 |  |  | 1         |                 | 75 | 50.000.000            | 50.000.000            |                      | 37.500.000            |
| <b>Tài sản cố định vô hình</b>                                              |      |  |  | <b>1</b>  |                 |    | <b>10.000.000</b>     | <b>10.000.000</b>     |                      |                       |
| Phần mềm ứng dụng                                                           |      |  |  | 1         |                 |    | 10.000.000            | 10.000.000            |                      |                       |
| Phần mềm Pamis (Đầu tư)                                                     | 2019 |  |  | 1         |                 |    | 10.000.000            | 10.000.000            |                      |                       |
| <b>Tổng cộng</b>                                                            |      |  |  | <b>25</b> | <b>3.870,10</b> |    | <b>18.447.289.781</b> | <b>17.183.389.781</b> | <b>1.263.900.000</b> | <b>16.006.627.256</b> |

**Bộ, ngành, tỉnh:** Tỉnh Thái Nguyên  
**Tên đơn vị:** UBND thị trấn Đình Cả  
**Mã đơn vị:** T55038014

**BÁO CÁO HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG NHÀ, ĐẤT CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG**

**Thời điểm báo cáo:** 07/01/2022  
**Chi tiết tài sản đến bậc:** 6

ĐVT cho: Diện tích đất là: m²; Diện tích nhà là: m²; Số lượng là: Cái/ Chiếc;  
 Giá trị là: Đồng.

| Tài sản                                                                                  | Năm đưa vào sử dụng | Cấp nhà     | Số tầng | Diện tích       | Hiện trạng sử dụng |              |            |          |                      |                 |               |
|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------|---------|-----------------|--------------------|--------------|------------|----------|----------------------|-----------------|---------------|
|                                                                                          |                     |             |         |                 | Trụ sở làm việc    | Sử dụng khác |            |          |                      |                 |               |
|                                                                                          |                     |             |         |                 |                    | Cơ sở HDSN   | Kinh doanh | Cho thuê | Liên doanh, liên kết | Sử dụng hỗn hợp | Khác          |
| <b>Đất</b>                                                                               |                     |             |         | <b>1.971,40</b> | <b>1.971,40</b>    |              |            |          |                      |                 |               |
| <b>Đất trụ sở</b>                                                                        |                     |             |         | <b>1.971,40</b> | <b>1.971,40</b>    |              |            |          |                      |                 |               |
| Đất trụ sở làm việc UBND thị trấn                                                        | 2013                | Đất trụ sở  |         | 1.971,40        | 1.971,40           |              |            |          |                      |                 |               |
| <b>Nhà, công trình xây dựng</b>                                                          |                     |             |         | <b>1.898,70</b> | <b>1.718,70</b>    |              |            |          |                      |                 | <b>180,00</b> |
| <b>Nhà cấp II</b>                                                                        |                     |             |         | <b>200,00</b>   | <b>200,00</b>      |              |            |          |                      |                 |               |
| Nhà làm việc UBND thị trấn                                                               | 2008                | Nhà cấp II  | 2       | 200,00          | 200,00             |              |            |          |                      |                 |               |
| <b>Nhà cấp III</b>                                                                       |                     |             |         | <b>494,00</b>   | <b>494,00</b>      |              |            |          |                      |                 |               |
| Nhà văn hóa thị trấn Đình Cả                                                             | 2021                | Nhà cấp III | 1       | 494,00          | 494,00             |              |            |          |                      |                 |               |
| <b>Nhà cấp IV</b>                                                                        |                     |             |         | <b>1.204,70</b> | <b>1.024,70</b>    |              |            |          |                      |                 | <b>180,00</b> |
| Trụ sở làm việc UBND thị trấn Đình Cả huyện Võ Nhai: Hạng mục Nhà làm việc khối đoàn thể | 2009                | Nhà cấp IV  | 1       | 210,00          | 210,00             |              |            |          |                      |                 |               |
| Trụ sở nơi làm việc của công an thị trấn Đình Cả                                         | 2020                | Nhà cấp IV  | 1       | 714,70          | 714,70             |              |            |          |                      |                 |               |
| Nhà sản nhà văn hóa                                                                      | 2005                | Nhà cấp IV  | 1       | 100,00          | 100,00             |              |            |          |                      |                 |               |
| Nhà văn hóa Tiền Phong                                                                   | 2015                | Nhà cấp IV  | 1       | 180,00          |                    |              |            |          |                      |                 | 180,00        |

